BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI
ĐỀ PHÁT TRIỂN
(Đề thi có 04 trang)

KỲ THI SPT NĂM 2025
MÔN: ĐỊA LÍ
Thời gian làm bài: 60 phút (không kể thời gian phát đề)

PHẦN I (3 điểm). *Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 12. Đối với mỗi câu, thí sinh chỉ chọn một phương án.*

Câu 1: (ID: 799875) Sự mở rộng thị trường quốc tế là nhân tố chủ yếu làm cho ngành dịch vụ nước ta

A. thu hút nhiều nguồn vốn đầu tư của nước ngoài, nâng cao chất lượng.

B. phân bố rộng khắp ở các vùng miền trong nước, trình độ phát triển cao.

C. có nhiều loại hình dịch vụ truyền thống ra đời, tiếp cận công nghệ mới.

D. phát triển hầu hết các ngành có giá trị tăng cao, tăng tính cạnh tranh.

Câu 2: (ID: 799876) Gió mùa mùa hạ chính thức ở nước ta có nguồn gốc từ khối khí nào sau đây?

A. Bắc Ấn Độ Dương.

B. Cận chí tuyến bán cầu Bắc.

C. Cận nhiệt đới ẩm.

D. Cận chí tuyến bán cầu Nam.

Câu 3: (ID: 799877) Mục đích chủ yếu của việc phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản ở Bắc Trung Bộ là

A. tạo ra cơ cấu ngành, khai thác tốt hơn các thế mạnh, tạo nhiều hàng hóa.

B. tạo sự liên kết các lãnh thổ với nhau, phát triển nhiều thành phần kinh tế.

C. phân công lao động theo lãnh thổ, phát triển các vùng, đổi mới sản xuất.

D. phát triển cơ cấu lãnh thổ, cơ cấu thành phần kinh tế, phân bố lại dân cư.

Câu 4: (ID: 799878) Nguồn lao động của nước ta hiện nay có đặc điểm nào sau đây?

A. Quy mô lớn, chất lượng phân hoá giữa các vùng.

B. Tăng nhanh, trình độ chuyên môn kĩ thuật rất cao.

C. Phần lớn lao động đã qua đào tạo, tính kỉ luật cao.

D. Lực lượng lao động hầu hết ở thành thị, đang giảm.

Câu 5: (ID: 799879) Cho bảng số liệu:

GIÁ TRỊ GDP THEO GIÁ HIỆN HÀNH CỦA NƯỚC TA
PHÂN THEO CÁC KHU VỰC KINH TẾ NĂM 2010, 2022

(Đơn vị: nghìn tỷ đồng)

Năm	Tổng số	Nông nghiệp, lâm nghiệp và thuỷ sản	Công nghiệp và xây dựng	Dịch vụ	Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm
2010	2 739,9	421,3	904,8	1 113,1	300,7
2022	9 548,8	1 141,6	3 645,3	3 945,8	816,1

(Nguồn: Niên giám Thống kê Việt Nam năm 2011, năm 2016 và năm 2023)

Nhận xét nào sau đây đúng với bảng số liệu trên?

A. Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm có giá trị cao nhất trong các khu vực.

B. Công nghiệp và xây dựng luôn có giá trị cao hơn nông nghiệp, lâm nghiệp và thuỷ sản.

C. Nông nghiệp, lâm nghiệp và thuỷ sản có giá trị cao hơn dịch vụ.

D. Nông nghiệp, lâm nghiệp và thuỷ sản có giá trị cao nhất trong các khu vực.

Câu 6: (ID: 774305) Tác động chủ yếu của sự thay đổi mức sinh đến cơ cấu dân số nước ta hiện nay là

A. tuổi thọ tăng lên, dân số già hóa, quy mô dân số dần ổn định.

B. cơ cấu giới tính thay đổi, nguồn lao động tăng, tuổi thọ tăng.

C. quy mô dân số tăng, nguồn lao động giảm đi, dân số trẻ hóa.

D. chất lượng lao động cao, quy mô dân số giảm, thiếu lao động.

Câu 7: (ID: 799880) Cho bảng số liệu:

SẢN LƯỢNG THỦY SẢN NUÔI TRỒNG NƯỚC TA NĂM 2015 VÀ NĂM 2022

(Đơn vị: nghìn tấn)

Năm	Nuôi trồng thủy sản biển	Nuôi trồng thủy sản nội địa
2015	253,9	3 296,8
2022	391,5	4 842,3

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2023, Nxb Thống kê 2024)

Nhận xét nào sau đây đúng với tình hình sản lượng thủy sản nuôi trồng nước ta giai đoạn 2015 - 2022?

A. Thủy sản biển tăng nhiều hơn thủy sản nội địa.

B. Thủy sản nội địa tăng gấp ba lần thủy sản biển.

C. Tỉ trọng thủy sản nội địa có xu hướng tăng.

D. Thủy sản biển tăng nhanh hơn thủy sản nội địa.

Câu 8: (ID: 799881) Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH RỪNG TRỒNG MỚI PHÂN THEO LOẠI RỪNG Ở NƯỚC TA NĂM 2010 VÀ NĂM 2022

(Đơn vị: nghìn ha)

Năm	Tổng	Chia ra		
		Rừng sản xuất	*Rừng phòng hộ*	*Rừng đặc dụng*
2010	256,5	220,8	31,1	4,6
2022	306,5	294,5	10,1	1,9

(Nguồn: Số liệu theo website của Tổng cục Thống kê Việt Nam)

Căn cứ vào bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng về tình hình trồng rừng mới phân theo loại rừng ở nước ta năm 2022 và năm 2010?

A. Diện tích rừng sản xuất trồng mới năm 2022 giảm so với năm 2010.

B. Năm 2022, diện tích rừng phòng hộ trồng mới nhỏ hơn diện tích rừng đặc dụng trồng mới.

C. Năm 2022 tổng diện tích rừng trồng mới ở nước ta tăng so với năm 2010.

D. Rừng đặc dụng trồng mới luôn chiếm tỉ trọng lớn nhất trong tổng diện tích rừng trồng mới.

Câu 9: (ID: 799882) Cho bảng số liệu:

LƯU LƯỢNG DÒNG CHẢY THÁNG TRUNG BÌNH NHIỀU NĂM
TẠI MỘT SỐ TRẠM THỦY VĂN TRÊN CÁC SÔNG Ở NƯỚC TA

(Đơn vị: m^3/s)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	Tổng
Lục Yên (Chảy)	63,5	52,6	49,6	61,7	71,5	192	293	387	247	196	161	88,1	1863
Nông Sơn (Thu Bồn)	231	134	91,7	71,7	104	102	71,7	79,6	168	683	978	600	3314,7

(Nguồn: Viện Khoa học Khí tượng, Thủy văn và Biến đổi khí hậu)

Nhận xét nào sau đây đúng về mùa cạn tại trạm thuỷ văn Lục Yên và Nông Sơn?

A. Tổng lưu lượng dòng chảy mùa cạn tại trạm Nông Sơn gấp hơn 2,7 lần trạm Lục Yên.

B. Tổng lưu lượng dòng chảy mùa cạn tại trạm Lục Yên cao hơn trạm thuỷ văn Nông Sơn.

C. Mùa cạn tại trạm thuỷ văn Lục Yên kéo dài hơn trạm thuỷ văn Nông Sơn.

D. Mùa cạn tại trạm Lục Yên kéo dài từ tháng 12 đến tháng 6 năm sau.

Câu 10: (ID: 799883) Do nằm ở vị trí trung chuyển của một số tuyến đường quốc tế nên nước ta có thuận lợi chủ yếu về

A. tăng cường liên kết kinh tế, phát triển du lịch. **B.** tăng cường thương mại, phát triển công nghiệp.

C. mở rộng giao thông, phát triển các ngành kinh tế. **D.** chung sống hoà bình, hợp tác kinh tế quốc tế.

Câu 11: (ID: 797826) Giải pháp chủ yếu để giảm thiểu tác nhân gây ra biến đổi khí hậu ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long là

A. trồng lúa cao sản, tăng cường chế biến, đẩy mạnh việc xuất khẩu.

B. sử dụng nước tiết kiệm, bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai.

C. đa dạng hoá sinh kế, thay đổi cơ cấu cây trồng, đầu tư giống mới.

D. phát triển rừng, đầu tư hệ thống thuỷ lợi, giảm phát thải nhà kính.

Câu 12: (ID: 778068) Mục đích chủ yếu của việc thay đổi cơ cấu mùa vụ trong nông nghiệp nước ta là

A. đa dạng hoá sản phẩm, tạo ra việc làm cho người lao động.

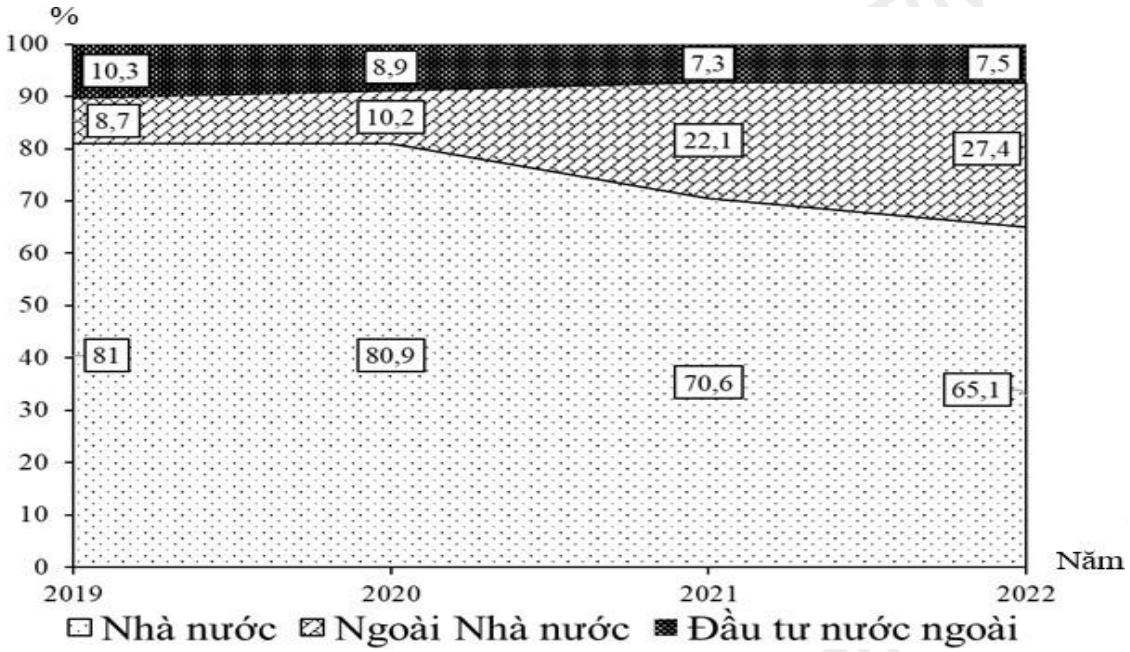
B. phù hợp hơn với điều kiện sinh thái, tăng hiệu quả kinh tế.

C. tăng năng suất cây trồng, tạo ra nhiều sản phẩm xuất khẩu.

D. phân bố sản xuất hợp lí ở mỗi vùng, giúp bảo vệ môi trường.

PHẦN II (3 điểm). *Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 3. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.*

Câu 1: (ID: 799884) Cho biểu đồ:



CƠ CẤU SẢN LƯỢNG ĐIỆN PHÁT RA PHÂN THEO LOẠI HÌNH KINH TẾ NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2019 - 2022

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2023, NXB Thống kê)

a) Tỉ trọng sản lượng điện phát ra khu vực Nhà nước, ngoài Nhà nước đều giảm.

b) Tỉ trọng sản lượng điện phát ra khu vực đầu tư nước ngoài giảm không liên tục.

c) Tỉ trọng sản lượng điện phát ra khu vực Nhà nước giảm nhanh hơn khu vực đầu tư nước ngoài.

d) Cơ cấu sản lượng phát ra phân theo loại hình kinh tế có sự thay đổi chủ yếu do nhu cầu thị trường quốc tế tăng cao.

Câu 2: (ID: 799885) Cho bảng số liệu:

NHIỆT ĐỘ KHÔNG KHÍ TRUNG BÌNH CÁC THÁNG NĂM 2023
TẠI BÃI CHÁY VÀ CÀ MAU

(Đơn vị: °C)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Bãi Cháy	16,4	19,6	21,5	24,3	27,7	29,1	30,1	28,5	27,9	26,6	23,3	19,2
Cà Mau	26,5	27,0	26,9	29,6	29,4	28,7	28,0	29,0	27,5	28,0	27,9	28,0

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2023, Nxb Thống kê 2024)

a) Bãi Cháy và Cà Mau đều có sự phân hoá chế độ nhiệt theo mùa.

b) Năm 2023, Bãi Cháy có 3 tháng lạnh, Cà Mau có 1 tháng lạnh.

c) Nhiệt độ trung bình năm tại Cà Mau cao hơn nhiệt độ trung bình năm tại Bãi Cháy.

d) Sự khác biệt về chế độ nhiệt giữa Bãi Cháy và Cà Mau chủ yếu do vị trí và tác động của gió Tín phong bán cầu Bắc.

Câu 3: (ID: 783292) Cho thông tin sau:

Đông Nam Bộ đã khai thác các tiềm năng sẵn có để phát triển đa dạng ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản. Nhiều sản phẩm cây công nghiệp của vùng đóng góp lớn vào kim ngạch xuất khẩu nông sản nước ta như cao su, điều, hồ tiêu.... Chăn nuôi ở Đông Nam Bộ đang phát triển theo hướng công nghiệp. Sản lượng khai thác thuỷ sản của vùng ngày càng tăng, nuôi trồng thuỷ sản cũng được chú trọng…. Tuy nhiên, sự phát triển của ngành cũng đặt ra những vấn đề về môi trường và phát triển bền vững.

a) Ứng dụng công nghệ cao để khai thác tối đa nguồn tài nguyên tự nhiên là biện pháp chủ yếu để phát triển bền vững của ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, thuỷ sản.

b) Tỉnh Đồng Nai chiếm hơn 90% sản lượng khai thác thuỷ sản của toàn vùng.

c) Cây công nghiệp chủ lực của vùng có nguồn gốc nhiệt đới.

d) Nhu cầu thị trường, tiến bộ khoa học kĩ thuật đã tạo điều kiện thuận lợi cho ngành chăn nuôi của vùng phát triển theo hướng công nghiệp.

PHẦN III (1 điểm). *Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Đối với mỗi câu, thí sinh chỉ viết kết quả, không trình bày suy luận.*

Câu 1: (ID: 799886) Năm 2023, tổng trị giá xuất nhập khẩu hàng hóa của nước ta là 681,1 tỉ USD, trong đó giá trị nhập khẩu là 326,4 tỉ USD. Hãy cho biết giá trị xuất siêu của nước ta năm 2023 là bao nhiêu tỉ USD (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Câu 2: (ID: 799887) Cho bảng số liệu:

NĂNG SUẤT LÚA CẢ NĂM CỦA VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG VÀ ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG GIAI ĐOẠN 2020 - 2022

(Đơn vị: tạ/ha)

Năm	2020	2021	2022
Đồng bằng sông Cửu Long	60,1	62,4	61,9
Đồng bằng sông Hồng	61,4	62,0	61,7

(Nguồn: Niên giám Thống kê Việt Nam năm 2023)

Dựa vào bảng số liệu, cho biết tốc độ tăng trưởng năng suất lúa năm 2022 so với năm 2020 của vùng Đồng bằng sông Cửu Long hơn Đồng bằng sông Hồng bao nhiêu phần trăm (coi năng suất năm 2020 bằng 100%) (làm tròn kết quả đến hai chữ số thập phân).

Câu 3: (ID: 780008) Cho bảng số liệu:

Lưu lượng nước trung bình tháng tại trạm Hà Nội trên sông Hồng

(Đơn vị: m^3/s)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Lưu lượng	1270	1070	910	1060	1880	4660	7630	9040	6580	4070	2760	1690

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết tổng lưu lượng nước thời kì mùa lũ của sông Hồng chảy qua trạm Hà Nội lớn hơn tổng lưu lượng nước trong thời kì mùa cạn là bao nhiêu lần (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 4: (ID: 799888) Cho bảng số liệu:

QUY MÔ VÀ CƠ CẤU GRDP CỦA CÁC VÙNG KINH TẾ TRỌNG ĐIỂM NƯỚC TA NĂM 2021

Vùng kinh tế trọng điểm	**Cơ cấu GRDP** *(%)*			***Quy mô GRDP*** *(nghìn tỉ đồng)*
	Nông nghiệp, lâm nghiệp và thuỷ sản	***Công nghiệp và xây dựng***	***Dịch vụ***	
Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ	3,9	42,2	43,8	2 249,2
Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung	15,1	31,3	41,3	449,6
Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam	6,4	42,6	40,8	2 826,2
Vùng kinh tế trọng điểm vùng Đồng bằng sông Cửu Long	30,8	23,0	40,9	346,6

(Nguồn: Niên giám Thống kê Việt Nam năm 2022)

Dựa vào bảng số liệu, hãy cho biết năm 2021, vùng kinh tế trọng điểm nào ở nước ta có giá trị ngành dịch vụ đứng thứ hai.

PHẦN IV (3 điểm). *Thí sinh trả lời câu 5, viết quá trình và kết quả suy luận.*

Câu 5: (ID: 800059) Cho bảng số liệu:

GIÁ TRỊ SẢN XUẤT NGÀNH NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP VÀ THỦY SẢN Ở NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2010 - 2021

(Đơn vị: nghìn tỉ đồng)

Năm	2010	2015	2021
Tổng	**876,0**	**1 483,1**	**2 125,2**
Nông nghiệp	675,4	1 111,1	1 502,2
Lâm nghiệp	22,8	43,4	63,3
Thủy sản	177,8	328,6	559,7

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2022)

Nhận xét và giải thích cơ cấu giá trị sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và thuỷ sản ở nước ta giai đoạn 2010 – 2021.

----- HẾT -----

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

THỰC HIỆN: BAN CHUYÊN MÔN TUYENSINH247.COM

PHẦN I (3 điểm). *Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 12. Đối với mỗi câu, thí sinh chỉ chọn một phương án.*

1. A	**2. D**	**3. A**	**4. A**	**5. B**	**6. A**	**7. D**	**8. C**	**9. A**	**10. C**
11. D	**12. B**								

Câu 1 (TH):

Phương pháp:

Dựa vào nội dung các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố các ngành dịch vụ.

Cách giải:

Sự mở rộng thị trường quốc tế là nhân tố chủ yếu làm cho ngành dịch vụ nước ta thu hút nhiều nguồn vốn đầu tư của nước ngoài, nâng cao chất lượng.

- Thu hút nhiều nguồn vốn đầu tư của nước ngoài: Các tập đoàn dịch vụ quốc tế (tài chính, viễn thông, du lịch, thương mại, logistics...) tìm kiếm cơ hội mở rộng thị trường, Việt Nam với thị trường tiềm năng trở thành điểm đến hấp dẫn. Vốn FDI mang theo không chỉ tiền mà còn là công nghệ, kinh nghiệm quản lý và tiêu chuẩn quốc tế.

- Nâng cao chất lượng dịch vụ: Để cạnh tranh được với các đối thủ quốc tế và đáp ứng yêu cầu của khách hàng quốc tế (cũng như khách hàng trong nước có nhu cầu cao hơn), các doanh nghiệp dịch vụ Việt Nam buộc phải nâng cao chất lượng dịch vụ của mình (từ quy trình phục vụ, thái độ nhân viên, đến cơ sở vật chất và công nghệ). Sự cạnh tranh và học hỏi từ các mô hình quốc tế cũng góp phần vào việc này.

B sai vì phân bố rộng khắp chủ yếu do nhu cầu nội địa và đặc điểm dân cư.

C sai vì hiện nay, nước ta có nhiều loại hình dịch vụ mới ra đời, không phải dịch vụ truyền thống. Bên cạnh đó, nhiều loại hình dịch vụ ra đời chủ yếu dô nhu cầu nội địa.

D sai vì phát triển hầu hết các ngành có giá trị tăng cao là mục tiêu rất lớn và dài hạn, không phải là tác động trực tiếp và tức thì của việc mở rộng thị trường quốc tế.

Đáp án: A

Câu 2 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào nội dung thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa (phần gió mùa).

Từ khoá: gió mùa mùa hạ chính thức.

Cách giải:

Gió mùa mùa hạ chính thức ở nước ta có nguồn gốc từ khối khí áp cao cận chí tuyến bán cầu Nam, vượt qua vùng biển xích đạo, thổi vào nước ta theo hướng tây nam. Khối khí này có tính chất nóng, ẩm, gây mưa lớn cho cả nước.

Đáp án: D

Câu 3 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào lí thuyết về sự phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản ở Bắc Trung Bộ.

Lưu ý: sự phát triển các ngành đều nhằm các mục tiêu lớn nhất về kinh tế.

Cách giải:

Mục đích chủ yếu của việc phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản ở Bắc Trung Bộ là tạo ra cơ cấu ngành (cơ cấu kinh tế liên hoàn), khai thác tốt hơn các thế mạnh, tạo nhiều hàng hóa từ đó phát triển các ngành kinh tế.

B sai vì đáp án không nêu rõ về mục đích kinh tế.

C sai vì việc phát triển các ngành kinh tế ở các vùng không nhằm mục đích chủ yếu là phân công lao động theo lãnh thổ. Đổi mới sản xuất không phải là mục đích chủ yếu do vùng khai thác các lợi thế về tự nhiên, kinh tế - xã hội để phát triển các ngành.

D sai vì phân bố lại dân cư không phải là mục đích chủ yếu.

Đáp án: A

Câu 4 (TH):

Phương pháp:

Dựa vào nội dung về đặc điểm lao động của nước ta hiện nay.

Cách giải:

Nguồn lao động của nước ta hiện nay có đặc điểm: quy mô lớn, chất lượng phân hoá giữa các vùng.

B, C, D sai vì tỉ lệ lao động đã qua đào tạo thấp hơn tỉ lệ lao động chưa qua đào tạo, trình độ chuyên môn kĩ thuật chưa đạt mức rất cao, tính kỉ luật chưa đạt mức cao, tỉ lệ lao động khu vực nông thôn cao hơn tỉ lệ lao động khu vực thành thị và số lượng lao động ngày càng tăng (trung bình mỗi năm tăng 1 triệu người).

Đáp án: A

Câu 5 (TH):

Phương pháp:

Dựa vào bảng số liệu và lựa chọn nhận xét đúng.

Cách giải:

B đúng, trong cả năm 2010 và năm 2022, công nghiệp và xây dựng luôn có giá trị cao hơn nông nghiệp, lâm nghiệp và thuỷ sản.

A, C, D sai vì ngành dịch vụ luôn có có giá trị cao nhất trong các khu vực kinh tế.

Đáp án: B

Câu 6 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào đặc điểm về tỉ lệ sinh của nước ta và các tác động của sự thay đổi đó đến cơ cấu dân số nước ta.

Cách giải:

Tác động chủ yếu của sự thay đổi mức sinh (tỉ lệ sinh của nước ta ngày càng giảm) đến cơ cấu dân số nước ta hiện nay là tuổi thọ tăng lên, dân số già hóa, quy mô dân số dần ổn định.

- Tuổi thọ tăng lên: mức sinh giảm là một trong những điều kiện giúp nước ta phát triển phát triển hệ thống chăm sóc sức khỏe tốt, chất lượng sống được nâng cao,… => giúp tăng tuổi thọ trung bình.

- Dân số già hóa: Khi mức sinh giảm và tuổi thọ tăng, tỉ lệ người già trong tổng dân số tăng lên, dẫn đến hiện tượng già hóa dân số.

- Quy mô dân số dần ổn định: Mức sinh giảm làm chậm tốc độ tăng trưởng dân số.

B sai vì mức sinh giảm không ảnh hưởng đến cơ cấu giới tính mà ảnh hưởng đến cơ cấu dân số theo nhóm tuổi.

C sai vì mức sinh giảm không làm tăng quy mô dân số và trẻ hóa dân số.

D sai vì mức sinh không liên quan, ảnh hưởng đến chất lượng lao động.

Đáp án: A

Câu 7 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào bảng số liệu và công thức:

Tỉ trọng = (Giá trị thành phần/Tổng giá trị)*100

Lưu ý: để biết tăng nhanh/chậm ta lấy giá trị năm sau chia giá trị năm trước, để biết tăng nhiều/ít ta lấy giá trị năm sau trừ giá trị năm trước.

Cách giải:

A sai vì thuỷ sản biển tăng: 391,5 - 253,9 = 137,6 nghìn tấn; thủy sản nội địa tăng: 4 842,3 - 3 296,8 = 1 545,5 nghìn tấn => Thủy sản biển tăng ít hơn thủy sản nội địa.

B sai vì thuỷ sản nội địa tăng: 1 545,5/137,6 = 11,2 lần so với thuỷ sản biển.

C sai vì tỉ trọng thủy sản nội địa năm 2015 là: [3 296,8/(3 296,8 + 253,9)]*100 = 92,8%; tỉ trọng thủy sản nội địa năm 2022 là: [4 842,3/(4 842,3 + 391,5)]*100 = 95,2% => Tỉ trọng thủy sản nội địa có xu hướng giảm.

D đúng vì thuỷ sản biển tăng: 391,5/253,9 = 1,54 lần; thủy sản nội địa tăng: 4 842,3/3 296,8 = 1,47 lần => Thủy sản biển tăng nhanh hơn thủy sản nội địa.

Đáp án: D

Câu 8 (TH):

Phương pháp:

Dựa vào bảng số liệu và lựa chọn nhận xét đúng.

Cách giải:

A sai vì diện tích rừng sản xuất trồng mới năm 2022 là 294,5 nghìn ha – tăng so với năm 2010 là 220,8 nghìn ha.

B sai vì năm 2022, diện tích rừng phòng hộ trồng mới là 10,1 nghìn ha – lớn hơn diện tích rừng đặc dụng trồng mới là 1,9 nghìn ha.

C đúng vì tổng diện tích rừng trồng mới năm 2022 là 306,5 nghìn ha – tăng so với năm 2010 là 265,5 nghìn ha.

D sai vì diện tích rừng đặc dụng trồng mới luôn nhỏ nhất => Rừng đặc dụng trồng mới luôn chiếm tỉ trọng nhỏ nhất trong tổng diện tích rừng trồng mới.

Đáp án: C

Câu 9 (VD):

Phương pháp:

- Dựa vào bảng số liệu và xác định mùa cạn của hai trạm thuỷ văn.
- Mùa cạn là mùa có ít nhất 3 tháng liên tiếp có lưu lượng thấp hơn lưu lượng trung bình năm.
- Tính lưu lượng trung bình năm dựa vào công thức:

Lưu lượng trung bình năm = Tổng lưu lượng 12 tháng/12

Cách giải:

- Lương lượng trung bình năm tại trạm Lục Yên là: 1863/12 = 155,3 m^3/s

=> Mùa cạn tại trạm Lục Yên kéo dài từ tháng 12 đến tháng 5 năm sau.

=> Tổng lưu lượng mùa cạn tại trạm Lục Yên là:

88,1 + 63,5 + 52,6 + 49,6 + 61,7 + 71,5 = 387 m^3/s

- Lương lượng trung bình năm tại trạm Nông Sơn là: 3314,7/12 = 276,2 m^3/s

=> Mùa cạn tại trạm Nông Sơn kéo dài từ tháng 1 đến tháng 9.

=> Tổng lưu lượng mùa cạn tại trạm Nông Sơn là:

231 + 134 + 91,7 + 71,7 + 104 + 102 + 71,7 + 79,6 + 168 = 1053,7 m^3/s

=> So với trạm Lục Yên, Tổng lưu lượng dòng chảy mùa cạn tại trạm Nông Sơn gấp: 1053,7/387 = 2,72 lần

=> hơn 2,7 lần

Đáp án: A

Câu 10 (TH):

Phương pháp:

Dựa vào nội dung về ý nghĩa vị trí địa lí đối với sự phát triển kinh tế.

Lưu ý từ khoá: trung chuyển của một số tuyến đường quốc tế.

Cách giải:

Do nằm ở vị trí trung chuyển của một số tuyến đường quốc tế nên nước ta có thuận lợi chủ yếu về mở rộng giao thông, phát triển các ngành kinh tế.

- Mở rộng giao thông: Để tận dụng được vị trí "trung chuyển", điều kiện tiên quyết là phải có một hệ thống giao thông (đường biển, đường hàng không, và cả đường bộ, đường sắt liên vận quốc tế) đủ lớn, hiện đại và kết nối hiệu quả. Vị trí thuận lợi này tạo động lực và nhu cầu để đầu tư, nâng cấp, và mở rộng các cảng biển nước sâu, các sân bay quốc tế, các tuyến đường bộ và đường sắt xuyên Á. Đây là bước đi cơ bản để biến tiềm năng vị trí thành lợi thế thực sự trong giao thương quốc tế.

- Phát triển các ngành kinh tế: Vị trí trung chuyển không chỉ hỗ trợ một ngành cụ thể mà là động lực cho sự phát triển của nhiều ngành kinh tế khác nhau:

+ Thương mại: Tăng cường xuất nhập khẩu, buôn bán trung chuyển.

+ Logistics và vận tải: Nhu cầu lớn về dịch vụ kho bãi, vận chuyển, phân phối.

+ Công nghiệp: Thu hút đầu tư vào các ngành công nghiệp chế biến, lắp ráp, xuất khẩu để tận dụng lợi thế vận chuyển.

+ Du lịch: Vị trí thuận lợi trên các tuyến đường quốc tế giúp thu hút khách du lịch, thúc đẩy ngành du lịch và các dịch vụ liên quan.

+ …

Đáp án: C

Câu 11 (VD):

Phương pháp:

Các tác nhân gây ra biến đổi khí hậu gồm những yếu tố làm tăng biến đổi khí hậu, chủ yếu là gia tăng khí nhà kính.

Từ đó lựa chọn các giải pháp để giảm thiểu tác nhân gây ra biến đổi khí hậu và liên hệ với các hạn chế về tự nhiên của vùng.

Cách giải:

Giải pháp chủ yếu để giảm thiểu tác nhân gây ra biến đổi khí hậu ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long là phát triển rừng, đầu tư hệ thống thuỷ lợi, giảm phát thải nhà kính.

- Phát triển rừng: Rừng (đặc biệt là rừng ngập mặn ở ven biển Đồng bằng sông Cửu Long) có vai trò quan trọng trong việc hấp thụ khí CO_2 từ khí quyển, góp phần giảm lượng khí nhà kính. Ngoài ra, rừng còn giúp chắn gió, chống xói lở, và bảo vệ bờ biển khỏi tác động của nước biển dâng.

- Đầu tư hệ thống thủy lợi: Mặc dù hệ thống thủy lợi chủ yếu là biện pháp thích ứng (giúp quản lý nước, chống hạn mặn, lũ lụt), nhưng việc quản lý nước hiệu quả, giảm thiểu thất thoát và sử dụng năng lượng sạch cho bơm tưới cũng gián tiếp góp phần giảm phát thải. Trong bối cảnh BĐKH, một hệ thống thủy lợi hiện đại, đa mục tiêu là cực kỳ cần thiết để ứng phó hiệu quả.

- Giảm phát thải nhà kính: Đây là giải pháp trực tiếp nhất để giảm thiểu tác nhân gây ra BĐKH. Đặc biệt là trong nông nghiệp và công nghiệp của Đồng bằng sông Cửu Long.

Đáp án: D

Câu 12 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào đặc điểm ngành nông nghiệp nước ta.

Cách giải:

Mục đích chủ yếu của việc thay đổi cơ cấu mùa vụ trong nông nghiệp nước ta là phù hợp hơn với điều kiện sinh thái, tăng hiệu quả kinh tế.

- Phù hợp hơn với điều kiện sinh thái: Việc thay đổi cơ cấu mùa vụ giúp cây trồng và vật nuôi phát triển tốt nhất trong điều kiện khí hậu, đất đai và nguồn nước cụ thể của từng vùng và từng thời điểm trong năm. Điều này giúp giảm thiểu rủi ro do thời tiết bất lợi, sâu bệnh và dịch hại.
- Tăng hiệu quả kinh tế: Bằng cách chọn lựa các loại cây trồng và vật nuôi có giá trị kinh tế cao, phù hợp với thị trường và điều kiện sản xuất, việc thay đổi cơ cấu mùa vụ giúp nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, giảm chi phí sản xuất và tăng thu nhập cho người nông dân.

Đáp án: B

PHẦN II (3 điểm). *Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 3. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.*

Câu 1 (VD):

Phương pháp:

a, b) Dựa vào biểu đồ.

c) Lấy tỉ trọng sản lượng điện phát ra khu vực Nhà nước năm 2019 chia năm 2022. Lấy tỉ trọng sản lượng điện phát ra khu vực đầu tư nước ngoài năm 2019 chia năm 2022 và so sánh.

d) Dựa vào ngành trồng trọt trọt nước ta (phần ngành trồng cây lương thực).

Cách giải:

a) Sai. Tỉ trọng sản lượng điện phát ra khu vực ngoài Nhà nước tăng liên tục từ 8,7% (năm 2019) lên 27,4% (năm 2022).

b) Đúng. Tỉ trọng sản lượng điện phát ra khu vực đầu tư nước ngoài tăng trong giai đoạn 2021 – 2022 (tăng từ 7,3% lên 7,5%), các giai đoạn còn lại đều giảm.

c) Sai.

- Tỉ trọng sản lượng điện phát ra khu vực Nhà nước giảm: 81/65,1 = 1,24 lần
- Tỉ trọng sản lượng điện phát ra khu vực đầu tư nước ngoài giảm: 10,3/7,5 = 1,37 lần

=> Tỉ trọng sản lượng điện phát ra khu vực đầu tư nước ngoài giảm nhanh hơn khu vực Nhà nước.

d) Sai. Cơ cấu sản lượng phát ra phân theo loại hình kinh tế có sự thay đổi chủ yếu do chính sách kinh tế, tiến bộ công nghệ và sự thay đổi trong nhu cầu thị trường (chủ yếu là thị trường trong nước vì ngành công nghiệp sản xuất điện chủ yếu phục vụ cho nhu cầu trong nước, không phải quốc tế).

Đáp án: S, Đ, S, S

Câu 2 (VD):

Phương pháp:

a) Dựa vào bảng số liệu.

b) Xác định tháng lạnh của 2 địa điểm dựa vào khái niệm: tháng lạnh là tháng có nhiệt độ dưới 18°C.

c) Tính nhiệt độ trung bình năm của hai địa điểm dựa vào công thức:

Nhiệt độ trung bình năm = Tổng nhiệt độ 12 tháng/12

d) Dựa vào các yếu tố tự nhiên làm cho Bãi Cháy và Cà Ma có sự khác biệt về chế độ nhiệt (cần lưu ý đặc biệt đến yếu tố về gió mùa).

Cách giải:

a) Sai. Cà Mau không có sự phân hoá chế độ nhiệt theo mùa.

b) Sai. Bãi Cháy có 1 tháng lạnh (tháng 1), Cà Mau không có tháng lạnh.

c) Đúng.

- Nhiệt độ trung bình năm tại Bãi Cháy là: (16,4 + 19,6 + … + 19,2)/12 = 24,5°C

- Nhiệt độ trung bình năm tại Cà Mau là: (26,5 + 27,0 + 26,9 + … + 28,0)/12 = 28,0°C

d) Sai. Sự khác biệt về chế độ nhiệt giữa Bãi Cháy và Cà Mau chủ yếu do vị trí và tác động của gió mùa Đông Bắc. Gió mùa Đông Bắc tác động mạnh đến miền Bắc nước ta (trong đó có Bãi Cháy) làm cho miền Bắc có một mùa đông lạnh => tạo ra sự phân hoá về chế độ nhiệt giữa mùa đông và mùa hạ. Ngược lại, ở miền Nam (trong đó có Cà Mau) gần như không chịu tác động của gió mùa Đông Bắc nên không có mùa đông lạnh => không có sự phân hoá về chế độ nhiệt trong năm.

Đáp án: S, S, Đ, S

Câu 3 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào đoạn thông tin và nội dung nội dung phát triển các ngành kinh tế Đông Nam Bộ (ngành nông nghiệp).

Cách giải:

a) Sai. Phát triển bền vững không nhằm "khai thác tối đa" mà là khai thác hợp lý, hiệu quả, gắn với bảo vệ môi trường. Việc "khai thác tối đa" có thể dẫn đến cạn kiệt tài nguyên và ô nhiễm môi trường, đi ngược lại nguyên tắc phát triển bền vững.

b) Sai. Bà Rịa – Vũng Tàu là tỉnh có sản lượng khai thác thuỷ sản lớn nhất vùng, chiếm tới 93,8% sản lượng thuỷ sản khai thác toàn vùng.

c) Đúng. Đông Nam Bộ có khí hậu cận xích đạo, nền nhiệt cao, ít thay đổi trong năm nên cây công nghiệp chủ lực của vùng có nguồn gốc nhiệt đới (ví dụ: cao su, điều, hồ tiêu,…)

d) Đúng. Nhu cầu thị trường và tiến bộ khoa học kỹ thuật thường là những yếu tố quan trọng thúc đẩy ngành chăn nuôi phát triển theo hướng công nghiệp.

Đáp án: S, S, Đ, Đ

PHẦN III (1 điểm). *Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Đối với mỗi câu, thí sinh chỉ viết kết quả, không trình bày suy luận.*

Câu 1 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào các công thức:

Giá trị xuất khẩu = Tổng giá trị xuất nhập khẩu – Giá trị nhập khẩu

Giá trị xuất siêu = Giá trị xuất khẩu – Giá trị nhập khẩu

Cách giải:

Giá trị xuất khẩu của nước ta năm 2023 là: 681,1 - 326,4 = 354,7 tỉ USD

Giá trị xuất siêu của nước ta năm 2023 là: 354,7 - 326,4 = 28,3 tỉ USD

Đáp án: 28,3

Câu 2 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào công thức:

Tốc độ tăng trưởng = (Giá trị năm sau/Giá trị năm gốc)*100

Lưu ý: đổi đơn vị.

Cách giải:

tốc độ tăng trưởng năng suất lúa năm 2022 so với năm 2020 của vùng Đồng bằng sông Cửu Long hơn Đồng bằng sông Hồng là:

[(61,9/60,1)*100] – [(61,7/61,4)*100] = 2,50%

Đáp án: 2,50

Câu 3 (VD):

Phương pháp:

Xác định:

- Mùa lũ: 3 tháng liên tiếp trở lên có lưu lượng nước cao hơn lưu lượng nước trung bình năm.
- Mùa cạn: 3 tháng liên tiếp trở lên có lưu lượng nước cao hơn lưu lượng nước trung bình năm.

Cách giải:

Lưu lượng nước trung bình năm tại trạm Hà Nội trên sông Hồng là:

(1270 + 1070 + 910 + … + 1690)/12 = 3551,7 m^3/s

=> Mùa mưa: từ tháng 6 đến tháng 10

Mùa cạn: từ tháng 11 đến tháng 5 năm sau

=> Tổng lưu lượng nước thời kì mùa lũ của sông Hồng chảy qua trạm Hà Nội lớn hơn tổng lưu lượng nước trong thời thì mùa cạn là:

(4660 + 7630 + 9040 + 6580 + 4070)/(2760 + 1690 + 1270 + 1070 + 910 + 1060 + 1880) = 3 lần

Đáp án: 3

Câu 4 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào công thức:

Giá trị thành phần = (Tỉ lệ giá trị thành phần*Tổng giá trị)/100

Cách giải:

Giá trị ngành dịch vụ của các vùng kinh tế trọng điểm của nước ta là:

- Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ: (43,8*2 249,2)/100 = 985,1 nghìn tỉ đồng
- Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung: (41,3*449,6)/100 = 185,7 nghìn tỉ đồng
- Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam: (40,8*2 826,2)/100 = 1 153 nghìn tỉ đồng
- Vùng kinh tế trọng điểm vùng Đồng bằng sông Cửu Long: (40,9*346,6)/100 = 141,8 nghìn tỉ đồng

=> **Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ** có giá trị ngành dịch vụ đứng thứ hai.

Đáp án: Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ

PHẦN IV (3 điểm). *Thí sinh trả lời câu 5, viết quá trình và kết quả suy luận.*

Câu 5 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào bảng số liệu và từ khoá: cơ cấu.

Áp dụng công thức: Tỉ trọng = (Giá trị thành phần/Tổng giá trị)*100

Cách giải:

*** Xử lí bảng số liệu:** *(1,0 điểm)*

CƠ CẤU GIÁ TRỊ SẢN XUẤT NGÀNH NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP VÀ THỦY SẢN Ở NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2010 - 2021

(Đơn vị: %)

Năm	2010	2015	2021
Tổng	**100,0**	**100,0**	**100,0**
Nông nghiệp	77,1	74,9	70,7
Lâm nghiệp	2,6	2,9	3,0
Thủy sản	20,3	22,2	26,3

*** Nhận xét:** *(1,0 điểm)*

Cơ cấu giá trị sản xuất ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản ở nước ta giai đoạn 2010 – 2021 có sự thay đổi trong từng ngành:

- Giá trị sản xuất ngành nông nghiệp chiếm tỉ trọng cao nhất và giảm liên tục từ 77,1% xuống còn 70,7% (giảm 6,4%).
- Giá trị sản xuất ngành lâm nghiệp chiếm tỉ trọng thấp nhất và tăng liên tục từ 2,6% lên 3,0% (tăng 0,4%).
- Giá trị sản xuất ngành thuỷ sản tăng liên tục từ 20,3% lên 26,3% (tăng 6,0%).

*** Giải thích:** *(1,0 điểm)*

- Sở dĩ có sự chuyển dịch theo hướng tăng tỉ trọng giá trị sản xuất ngành lâm nghiệp và thuỷ sản, giảm tỉ trọng giá trị sản xuất ngành nông nghiệp do phù hợp với chính sách Nhà nước và điều kiện đất nước, đây là sự chuyển dịch theo hướng tích cực.
- Giá trị sản xuất ngành nông nghiệp chiếm tỉ trọng cao nhất do đây là ngành truyền thống, có nhiều thuận lợi về nguồn lực để phát triển, đáp ứng nhu cầu lớn ở trong nước và xuất khẩu. Nhưng có xu hướng giảm do các sản phẩm ngành nông nghiệp không có giá trị cao như ngành thuỷ sản.
- Giá trị sản xuất ngành lâm nghiệp chiếm tỉ trọng thấp nhất do cơ cấu sản phẩm chưa đa dạng.
- Giá trị sản xuất ngành lâm nghiệp và thuỷ sản có xu hướng tăng do sản lượng gỗ khai thác ngày càng tăng, công nghiệp chế biến phát triển, thị trường tiêu thụ ngày càng mở rộng,…